

Số: /BC-SYT

Lào Cai, ngày tháng 7 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 01/7/2004 của Bộ Chính trị Khóa IX về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020

Kính gửi: Tỉnh ủy Lào Cai

Thực hiện Kế hoạch số 49-KH/TU ngày 21/6/2021 của Tỉnh ủy Lào Cai về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 01/7/2004 của Bộ Chính trị Khóa IX về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020, Sở Y tế báo cáo các nội dung theo yêu cầu thuộc lĩnh vực y tế như sau:

1. Tình hình chung

Tại thời điểm ra đời Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngành y tế tỉnh Lào Cai đang từng bước củng cố, phát triển công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân từ những thành quả đã đạt được ở giai đoạn trước. Tuy vậy, công tác y tế còn đối mặt với nhiều khó khăn: Nhân lực y tế còn thiếu so với nhu cầu khám chữa bệnh của người dân; cơ sở vật chất đã được bổ sung xây mới nhưng nhiều nơi đã xuống cấp cần được sửa chữa, xây dựng; thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao, các máy móc trang thiết bị chuyên sâu còn thiếu, dịch bệnh diễn biến phức tạp (cúm H5N1, các bệnh dịch truyền nhiễm khác...), đồng thời, Lào Cai là một tỉnh miền núi, chủ yếu đồng bào dân tộc thiểu số (64%) nên nhận thức về công tác phòng chống dịch bệnh còn nhiều hạn chế, công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình gặp nhiều khó khăn, mức sinh còn cao.

Sau 17 năm củng cố, phát triển công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, đến năm 2020, tổ chức bộ máy ngành y tế tiếp tục được tinh gọn theo hướng hoạt động hiệu lực, hiệu quả, cơ sở vật chất các đơn vị y tế tiếp tục được quan tâm đầu tư, trang thiết bị y tế tiếp tục được bổ sung và hiện đại. Các công chức, viên chức y tế trong ngành có năng lực chuyên môn, trách nhiệm với công việc, tinh thần thái độ phục vụ người dân ngày càng cao, đáp ứng sự hài lòng của người bệnh; nội bộ đoàn kết, khắc phục khó khăn, phấn đấu vì sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân. Các chỉ số sức khỏe nhân dân được cải thiện, mặc dù hiện tại ngành y tế gặp rất nhiều khó khăn do diễn biến của bệnh dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh, tuy vậy với sự vào cuộc quyết liệt của cán bộ y tế, sự phối hợp của các sở, ban ngành đoàn thể, sự chỉ đạo, hỗ trợ của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Bộ Y tế, công tác y tế của tỉnh ngày càng được hoàn thiện, đảm bảo thực hiện mục tiêu kép theo chỉ đạo của Chính phủ.

2. Công tác tham mưu, lãnh chỉ đạo và phối hợp tổ chức thực hiện chính sách

Sở Y tế đã tổ chức triển khai Nghị quyết 37-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về phương hướng phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc bộ đến năm 2020; Kết luận 26-KL/TW ngày 02/8/2012 của BCH Trung ương về Kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 01/7/2004 của bộ chính trị khóa ix nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi bắc bộ đến năm 2020 tới toàn thể các đơn vị trong ngành, quán triệt việc tổ chức triển khai thực hiện tới toàn bộ công chức, viên chức trong toàn ngành.

Bám sát các nhiệm vụ giao, Sở Y tế đã tham mưu ban hành các kế hoạch, văn bản để chỉ đạo ngành y tế, các sở, ngành liên quan, các huyện, thành phố, thị xã phối hợp tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân. Đề án củng cố, phát triển sự nghiệp y tế tỉnh Lào Cai, mỗi giai đoạn, ngành y tế đều tham mưu các Đề án thực hiện công tác y tế phù hợp với bối cảnh, mục tiêu chung khu vực. Đề án vừa có tính định hướng lâu dài, vừa có các chỉ số mục tiêu cụ thể để phát triển sự nghiệp y tế, phù hợp với định hướng thực hiện nêu trong Nghị quyết số 37-NQ/TW.

Giai đoạn 2006 – 2010, tham mưu ban hành Đề án số 15 “Củng cố, phát triển sự nghiệp y tế tỉnh Lào Cai giai đoạn 2006 - 2010” là một trong 29 đề án trọng tâm của BCH Đảng bộ tỉnh khoá XIII đề ra với mục tiêu củng cố, phát triển sự nghiệp y tế tỉnh Lào Cai nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế chăm sóc sức khỏe nhân dân; phấn đấu giảm tỷ lệ mắc và chết bệnh; đảm bảo cho mọi người dân đều được tiếp cận các dịch vụ y tế cơ bản, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng nghèo và người nghèo, tạo sự công bằng trong chăm sóc sức khỏe.

Giai đoạn 2011 – 2015, tham mưu ban hành Đề án số 12 “Phát triển sự nghiệp y tế tỉnh Lào Cai giai đoạn 2011 - 2015” với mục tiêu xây dựng hệ thống y tế Lào Cai từng bước hiện đại, hoàn chỉnh đồng bộ ở các tuyến; phát triển nhân lực y tế, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân...

Giai đoạn 2016 – 2020, tham mưu ban hành Đề án số 07 “Phát triển y tế, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2016 - 2020” với các mục tiêu tiếp tục phát triển hệ thống y tế tỉnh từng bước hiện đại, hoàn chỉnh đồng bộ từ tuyến tỉnh, huyện đến xã, phường thị trấn; đảm bảo đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe càng cao của nhân dân, giữ vững trình độ phát triển ở mức độ khá so với toàn quốc và mức độ cao so với các tỉnh vùng Tây Bắc...

3. Kết quả thực hiện các mục tiêu

3.1. Số giường bệnh trên một vạn dân

Năm 2020 tỉnh Lào Cai đạt 42,9 GB/vạn dân (với 3.200 giường bệnh), toàn quốc đạt 28,5GB/vạn dân (*trung du, miền núi phía Bắc đạt 51.856 GB*); Năm 2004 toàn tỉnh đạt 24 GB/ vạn dân với 1.370 giường bệnh. Số giường bệnh trên vạn dân năm 2020 cao hơn so với toàn quốc 150% và cao hơn 178,8% so với năm 2004.

3.2. Số bác sỹ trên một vạn dân.

Năm 2020 tỉnh Lào Cai đạt 12,6 bác sỹ/vạn dân với 937 bác sỹ, toàn quốc đạt 8,8 bác sỹ/vạn dân với 96.229 bác sỹ; Năm 2004 đạt 5,4 bác sỹ/vạn dân với 324 bác sỹ. Số bác sỹ trên một vạn dân của tỉnh Lào Cai năm 2020 cao hơn 143% so với toàn quốc và cao hơn 233% so với năm 2004.

3.3. Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể cân nặng/tuổi của tỉnh Lào Cai: Năm 2004 đạt 34,6%, vùng Đông Bắc 29,8%, toàn quốc 26,6%; năm 2020 đạt 17,4%, vùng Trung du miền núi phía Bắc: 18,1%, toàn quốc 12,4%. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể cân nặng/tuổi năm 2020 của tỉnh Lào Cai thấp hơn 0,7% so với vùng Trung du miền núi phía bắc, cao hơn 5% so với toàn quốc và thấp hơn 17.2% so với năm 2004.

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể chiều cao/tuổi: Năm 2004 đạt 45%, vùng đông bắc 34,9%, toàn quốc là 30,7%; năm 2020 đạt 32,1%, vùng Trung du miền núi phía bắc là 28%, toàn quốc là 19,9%. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể chiều cao/tuổi năm 2020 của tỉnh Lào Cai cao hơn 4,1% so với vùng Trung du miền núi phía bắc, cao hơn 12,2% so với toàn quốc và thấp hơn 12,9% so với năm 2004.

3.4. Số xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế

Năm 2004 toàn tỉnh đạt 3,04% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế theo các tiêu chí tại Quyết định 370/2002/QĐ-BYT ngày 07/2/2002 của Bộ Y tế.

Đến năm 2020 tỉnh Lào Cai đã đạt 100% xã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về y tế theo tiêu chí tại Quyết định 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ Y tế. Để tiếp tục duy trì các kết quả đạt được, tỉnh Lào Cai chỉ đạo thực hiện duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí tại của các xã, phường, thị trấn đã được công nhận đạt Bộ tiêu chí quốc gia y tế.

3.5. Tỷ lệ đạt chuẩn của trạm y tế xã, cơ sở y tế, phòng khám khu vực và bệnh viện tỉnh

Hết năm 2004, 161/164 trạm y tế được xây dựng, 34 Trạm y tế hoạt động lồng ghép với PKĐKKV. 124/124 xã vùng cao có nhà công vụ cho cán bộ tăng cường, giáo viên và cán bộ y tế. Tuy vậy nhiều TYT đã xuống cấp vì đã được xây dựng hoặc nâng cấp từ những năm trước. Kết thúc giai đoạn 2001 – 2005, 24/34 PKĐKKV xây mới đã đưa vào sử dụng, có trang thiết bị cần thiết cho công tác khám chữa bệnh .

Trong giai đoạn 2008 – 2015, thực hiện tiếp nhận và chuyển các đơn vị dự phòng tuyến tỉnh về trụ sở khối 5, xây mới Trung tâm phòng chống

HIV/AIDS. Xây mới BVĐK tỉnh, BV phục hồi chức năng, sửa chữa BV Sản Nhi, BV Nội tiết. Hệ thống bệnh viện huyện, các phòng khám đa khoa khu vực (PKĐKKV) đúng tiến độ, gồm 8 BVĐK huyện, trong đó hoàn thành xây mới Bệnh viện Đa khoa huyện Sa Pa; cải tạo nâng cấp BVĐK huyện Bảo Thắng, Bảo Yên, Văn Bàn, Bát Xát, Bắc Hà. Xây mới 64 trạm y tế (đạt 160% kế hoạch giai đoạn); sửa chữa nâng cấp 20 trạm y tế, ngoài ra có 35 trạm y tế được sửa chữa nhỏ.

Giai đoạn 2015-2020: Tuyên tỉnh: Hoàn thành các dự án chuyển tiếp giai đoạn trước: Cải tạo, Bệnh viện Sản Nhi, Bệnh viện Nội tiết (cơ sở cũ tại Phường Kim Tân, TP Lào Cai); Xây mới BV Phục hồi chức năng (Giai đoạn 1); Trung tâm phòng chống HIV/AIDS giai đoạn 3 (năm 2016). Xây dựng mới BV Sản Nhi (tháng 10/2018); Nhà điều trị Nội C, Khu khám bệnh, chữa bệnh cho người tạm giữ, tạm giam, phạm nhân tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh. Xây mới Bệnh viện Y học cổ truyền, Bệnh viện Nội tiết (tháng 11/2019); Dự án Cải tạo BVĐK tỉnh Lào Cai, Trung tâm Giám định Y khoa, theo Quyết định số: 1940/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của UBND tỉnh, hiện đang triển khai thực hiện, ước đạt 30% khối lượng công trình.

Tuyên huyện: Hoàn thành công trình chuyển tiếp (xây mới BVĐK huyện Sa Pa; hệ thống xử lý chất thải BVĐK huyện Mường Khương, Si Ma Cai và Sa Pa). Xây dựng mới PKĐKKV Cốc Lếu giai đoạn I (nay là BVĐK thành phố Lào Cai). Nâng cấp BVĐK huyện Si Ma Cai, BVĐK huyện Bát Xát, xây mới BVĐK TP, Sửa chữa PKĐKKV Bản Dền (Sa Pa), Bảo Hà (Bảo Yên). Nâng cấp BVĐK huyện Bảo Thắng. Các dự án đang thực hiện đầu tư: Xây mới BVĐK huyện Mường Khương, PKĐKKV Nghĩa Đô (Bảo Yên), Trinh Tường (Bát Xát).

Tuyên xã: Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn trước gồm có 32 trạm Y tế; Các dự án xây dựng mới có 26 trạm; sửa chữa nâng cấp 45 trạm y tế. Các trạm y tế đã thực hiện xã hội hóa các nguồn lực tại địa phương xây dựng vườn thuốc nam, trồng cây xanh, thực hiện tốt công tác xử lý rác thải, góp phần tạo cảnh quan môi trường nông thôn.

3.6. Triển khai các chương trình mục tiêu y tế quốc gia

3.6.1. Chương trình phòng chống sốt rét:

Năm 2004, xảy ra 2 vụ dịch tại 6/9 bản thuộc xã A Mú Sung huyện Bát Xát và 5 thôn bản xã nậm Sài huyện Sa Pa. Viện Sốt rét Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương đã tăng cường cán bộ, hỗ trợ thuốc hoá chất đến tận các ổ dịch. Ngành Y tế đã kết hợp với các cấp Chính quyền, Đoàn thể, Quân y lực lượng vũ trang tập trung phát hiện sớm, xử lý kịp thời, từng bước bao vây, chặn đứng và đẩy lùi dịch, không có bệnh nhân sốt rét ác tính, không có tử vong do sốt rét. Trong năm có: 2.814 người mắc sốt rét; Tổng số dân được bảo vệ bằng hoá chất: 245.503; Tổng số lam phát hiện: 23.227; Tỷ lệ mắc sốt rét/ 1000 dân: 5,03‰; Nhận định tình hình sốt rét có chiều hướng gia tăng, có nguy cơ gây dịch.

Năm 2015, Phát hiện 119 bệnh nhân sốt rét; không có BNSR ác tính; không có tử vong do sốt rét; bệnh nhân sốt rét phát hiện rải rác ở các huyện trong tỉnh. Tổng số lam, test giám sát phát hiện: 27.130 lam; không phát hiện ký sinh trùng sốt rét. Tình hình ổn định.

Trải qua 17 năm với sự chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh, nỗ lực can thiệp dự phòng và điều trị của các đơn vị y tế, các ca mắc sốt rét đã giảm dần, đến năm 2020, công tác phòng chống sốt rét: Không phát hiện bệnh nhân sốt rét tại địa phương, có 02 BN sốt rét ngoại lai; TS lam máu: 10.599 (106%KH).

3.6.2. Chương trình chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em.

Năm 2004, tổng số phụ nữ có thai 16.213, số phụ nữ khám thai 3 lần 7.073 chiếm 66,1%. Tiêm phòng uốn ván mũi 2 cho 6.962 phụ nữ có thai, đạt 51,6%; Tổng số phụ nữ sinh đẻ có sự chăm sóc của y tế: 7.446/10.915 trường hợp đẻ (chiếm 68,2 %). Tỷ lệ chết mẹ: 06 ca, chiếm 0,55‰ (55/100.000).

Năm 2020, Số phụ nữ đẻ: 14.351, số PN đẻ được quản lý thai: 12.536; số PN đẻ được khám thai 3 lần/ 3 thời kỳ: 10.862 (đạt 75,7 %); tổng số bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh: 9.412 (đạt 65,5 %); số phụ nữ đẻ được cán bộ y tế đỡ: 13.017 (đạt 90,7%). Trong năm 2020, có 03 trường hợp tử vong mẹ (Bắc Hà 2, SMC 1) do tai biến sản khoa (sản giật, băng huyết, suy đa tạng).

3.6.3. Công tác phòng chống dịch bệnh.

Năm 2004, thực hiện tăng cường giám sát, theo dõi chặt chẽ, tổ chức tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh cho nhân dân. Phối hợp với các ngành liên quan giám sát chặt chẽ dịch cúm gia cầm, khống chế không để lây sang người. Không có dịch lớn xảy ra, không có trường hợp nào nghi ngờ mắc SARS hay cúm tít A (H5N1).

Trong 3 tháng đầu năm đã xảy ra dịch sốt phát ban do sởi và Rubella rải rác trên địa bàn 5 huyện (Bát Xát, Phố Mới - Thành phố Lào Cai, Bảo Thắng, Bắc Hà và huyện Văn Bàn) với số tổng số mắc 977 ca, Không có tử vong, không có biến chứng nặng. Trung tâm y tế dự phòng tỉnh kết hợp cùng Trung tâm y tế các huyện, thành phố đã tổ chức triển khai các biện pháp phòng chống dịch một cách tích cực. Dịch đã được dập tắt và không có tử vong. Duy trì việc khám và tiêm vắc xin phòng dại tại phòng khám trung tâm. Tổng số bệnh nhân khám và tiêm vắc xin: 553 (dưới 15 tuổi: 160, trên 15 tuổi: 373). Tiêm huyết thanh tổng số: 17 (dưới 15 tuổi: 07, trên 15 tuổi:10).

Năm 2020, thực hiện chỉ đạo triển khai chủ động, kịp thời hoạt động giám sát, kiểm tra và phòng chống các dịch bệnh, cảnh báo nguy cơ bệnh dịch bệnh nguy hiểm, theo mùa. Duy trì các tổ giám sát dịch bệnh, thường trực công tác phòng chống dịch bệnh, thiên tai, thảm họa theo đúng quy định. Một số dịch bệnh truyền nhiễm lưu hành địa phương như cúm mùa, Thủy đậu, tay chân miệng... xảy ra rải rác tại các huyện, thành phố được giám sát phát hiện, điều trị kịp thời khỏi bệnh, không để diễn biến thành

dịch. Số phơi nhiễm đại được tiêm vắc xin: 2.537 người; tiêm huyết thanh kháng đại: 276; không có tử vong do bệnh đại.

3.6.4. Đẩy lùi và thanh toán các bệnh xã hội và bệnh dịch nguy hiểm

Năm 2004:

+ Lao: Trong năm khám phát hiện: 2.100 người, trong đó phát hiện 236 bệnh nhân AFB Đạt 108,7%KH, điều trị khỏi cho 124 bệnh nhân /151 bệnh nhân AFB (+) đạt 88,2% (mức phấn đấu 80% trở lên).

+ Phong: Trong năm không phát hiện ca mắc bệnh mới, số bệnh nhân phong đang quản lý là 58. Khám điều tra 48 /30 xã đạt 160 % kế hoạch. Số người khám trong năm là: 126.342/ 72.000, đạt 175,48 % kế hoạch giao.

+ Đái tháo đường: Đẩy mạnh công tác phòng chống đái tháo đường. Trong năm khám và điều trị 2095 lượt người, trong đó Bệnh nhân được quản lý điều trị 277 (số mắc mới 122) đạt 138% kế hoạch năm.

+ HIV: Số nhiễm HIV/AIDS tích lũy đến thời điểm báo cáo là: 525, bệnh nhân AIDS: 68, tử vong: 50. 100% bệnh nhân AIDS phát hiện được quản lý và tư vấn. Lấy mẫu xét nghiệm: 7.056/ 6.000 mẫu.

Năm 2020:

+ Phòng chống bệnh lao: Khám sàng lọc: 5.004 bệnh nhân (đạt 155,8% KH năm; BN lao các thể phát hiện 311 (đạt 108% KH); lũy kế BN điều trị khỏi: 293/322 (đạt tỷ lệ 85%), số còn lại hiện đang điều trị.

+ Phòng chống bệnh phong: Khám sàng lọc: 5.923/5.000 người (118% KH), không phát hiện bệnh nhân phong mới. Số BN đang quản lý: 18 (giám sát sau điều trị: 06; chăm sóc tàn tật: 12).

+ Khám sàng lọc THA: 74.645 lượt (đạt 463% KH năm), phát hiện 4.243 bệnh nhân; bệnh nhân THA có nguy cơ cao được điều trị đúng phác đồ: 12.896/20.309 (127%KH).

+ Khám sàng lọc đái tháo đường: 1.500 người, số BN được quản lý, điều trị: 3.153/3.993 (đạt 197%KH).

+ HIV: Thực hiện Can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV/AIDS: Số lượt người được tiếp cận: 64.914; cấp phát BKT sạch: 989.873. Hỗ trợ điều trị HIV/AIDS: Số người nhiễm HIV/AIDS quản lý: 1.401, số bệnh nhân nhận thuốc: 1.509. Số phụ nữ mang thai được tư vấn, xét nghiệm và trở lại nhận kết quả: 14.969. Điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone tại 07 cơ sở: Số bệnh nhân đang điều trị: 1.445/1.350 (đạt: 107% KH). Tình hình dịch HIV: Bệnh nhân nhiễm HIV mới: 88 (lũy kế: 3.187 người); Bệnh nhân AIDS mới: 19 (lũy kế: 2.594 người), số BN AIDS tử vong: 43 (lũy kế: 1.552).

3.7. Đầu tư và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở; công tác khám chữa bệnh kết hợp quân - dân y

Năm 2004, về hệ thống mạng lưới y tế, tuyến tỉnh gồm: Văn phòng Sở Y tế có 7 phòng chức năng và 12 đơn vị trực thuộc; Tuyến huyện có 9 Trung tâm y tế, 7 bệnh viện huyện, 34 PKĐKKV hoạt động; Tuyến xã: 164/164 trạm y tế xã, phường, đều có cán bộ y tế hoạt động.

Về nhân lực: Toàn tỉnh có 2.160 cán bộ trong đó có 324 bác sỹ, cán bộ y tế xã là 613 người, bình quân trên 1 trạm đạt 3,8; tỷ lệ trạm y tế xã có nữ hộ sinh hoặc y sỹ sản nhi đạt 84%, Tỷ lệ thôn bản có nhân viên y tế thôn bản đang hoạt động đạt 86%. Trong năm đã thực hiện Đề án củng cố mạng lưới y tế cơ sở, đưa bác sỹ về xã, phường, thị trấn giai đoạn 2001-2005.

Công tác khám chữa bệnh kết hợp quân - dân y tại tỉnh: Tổ chức các đợt khám tuyến nghĩa vụ quân sự trong năm, ngay đầu năm đã tiến hành chấn chỉnh các tồn tại để phục vụ tốt công tác khám tuyến nghĩa vụ quân sự trong tỉnh. Tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai khám chữa bệnh cho đồng bào và chiến sỹ lực vũ trang tại địa bàn huyện Bát Xát. Trung tâm y tế huyện Bát Xát đã phối hợp hỗ trợ các phương tiện, thiết bị như giường bệnh, thuốc men cho đơn vị 345 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh triển khai các hoạt động khám chữa bệnh cho nhân dân và cán bộ chiến sỹ trên địa bàn đóng quân. Triển khai dự án Trạm xá quân dân y tại xã Liêm Phú huyện Văn Bàn.

Hoàn thành lập kế hoạch khu vực phòng thủ. Hướng dẫn y tế các huyện lập kế hoạch diễn tập phòng thủ và thực hiện diễn tập đạt kết quả cao, Y tế Văn Bàn đã được UBND tỉnh tặng Bằng khen về có nhiều thành tích trong diễn tập. Đảm bảo 100% tỷ lệ các đơn vị dự bị động viên, đội cơ động sẵn sàng cơ động.

Năm 2020, về hệ thống mạng lưới y tế: Hoàn thiện việc chuyển giao, sáp nhập các đơn vị y tế tuyến xã theo Nghị quyết số: 896/NQ-UBTVQH14. Tổ chức bộ máy ngành y tế có 30 đầu mối, gồm:

- Các cơ quan QLNN về y tế: 03, Sở Y tế, chi cục DS-KHHGD, Chi cục An toàn VSTP. Tại các huyện, TP, Thị xã, Văn phòng HĐND, UBND thực hiện QLNN về y tế trên địa bàn.

- Các đơn vị sự nghiệp: 27:

- + Tuyến tỉnh: Có 05 bệnh viện tỉnh (BVĐK tỉnh, BV Sản Nhi, BV Nội tiết, BV Y học cổ truyền, BV Phục hồi chức năng); 05 trung tâm (Kiểm soát bệnh tật, Kiểm nghiệm, Kiểm dịch YTQT, Giám định Y khoa, Pháp Y)

- + Tuyến huyện: Có 08 BVĐK , 09 trung tâm y tế (trong đó có TTYT huyện Si Ma cai thực hiện đa chức năng). Có 18 PKĐKKV trực thuộc BVĐK tuyến huyện.

- + Tuyến xã: Có 152 trạm y tế (trong đó có 127 trạm y tế xã, 16 trạm y tế phường, 9 trạm y tế thị trấn) trực thuộc trung tâm y tế tuyến huyện.

Về nhân lực: Tổng số nhân lực y tế toàn tỉnh Lào Cai tính đến 12/2020: 4.879 người (937 bác sỹ, 220 DS đại học), đạt 12,6 BS, 03 DS đại học/vạn dân, trong đó:

+ Tổng số nhân lực y tế toàn ngành y tế (bao gồm Sở Y tế và 29 đơn vị trực thuộc): 3.834 người (780 bác sỹ, 145 dược sỹ đại học) trong đó: tuyển tỉnh: 1373 (355 BS, 68 DS đại học), tuyển huyện: 1.615 (390 BS, 68 DS đại học), tuyển xã: 846 (35 BS, 09 DS đại học). Số cán bộ hợp đồng trong ngành: 279 (33 BS, 02 DS đại học).

+ Số nhân viên y tế tư nhân: 753 (119 BS, 75 DS đại học), trong đó tại các PK tư nhân: 219 (78 BS); tại BV tư nhân Hưng Thịnh: 170 (41 BS); khối kinh doanh dược: 364 (75 DS đại học). Khoa Y – Dược, Trường Cao đẳng Lào Cai: 13 người (05 BS).

Công tác khám chữa bệnh kết hợp quân – dân y tại tỉnh: Duy trì hoạt động quân dân y kết hợp theo kế hoạch; phối hợp tổ chức giao quân năm 2020 tại các địa phương. Đảm bảo 100% tỷ lệ các đơn vị dự bị động viên, đội cơ động sẵn sàng cơ động.

3.8. Một số chỉ số khác về chăm sóc sức khỏe và phát triển y tế

3.8.1. Công tác tiêm chủng mở rộng

Năm 2004, thực hiện tiêm vacxin sởi mũi 2 cho đối tượng từ 12-18 tuổi: 91.275, đạt 98,1%. Số trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ: 13.000, đạt 96,8% số trẻ dưới 1 tuổi; Đạt 101 % KH (Chỉ tiêu giao 95,8 %).

Năm 2020, tổ chức tiêm chủng thường xuyên: Số trẻ <1 tuổi được TCĐĐ 12.939, đạt 96,8 % số trẻ; tiêm vắc xin viêm gan B trong 24 giờ đầu sau sinh: 10.793/12.171 trẻ (đạt 88,7%); tiêm phòng uốn ván cho PNCT lũy kế: 12.024 đạt 90,35%.

3.8.2. Công tác ATVSTP

Năm 2004, thực hiện phối hợp liên ngành tổ chức các cuộc kiểm tra thường xuyên về VSATTP ở 9/9 huyện thị, kiểm tra 3.025 cơ sở kinh doanh thực phẩm dịch vụ ăn uống, tổng số cơ sở đạt tiêu chuẩn vệ sinh 2.238 đạt 74%, đạt 100% KH. Trong năm có nhiều lễ hội, và các chương trình hành động lớn tập trung đông người nhưng đã đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, toàn tỉnh không xảy ra các vụ ngộ độc lớn. Rải rác trong năm đã xảy ra 09 vụ ngộ độc thực phẩm nhỏ với tổng số 50 người mắc và 02 người tử vong do nấm độc (huyện Bảo Yên).

Năm 2020, xảy ra 05 vụ ngộ độc thực phẩm làm 69 người mắc và nhập viện, không có tử vong. Tổ chức thực hiện Tháng hành động vì ATTP. Kiểm tra đảm bảo ATTP tại 3.487 cơ sở, số cơ sở đạt TCVS: 3.320 (92,3%), xử lý hành chính 152 cơ sở. Test nhanh 5.206 mẫu, 5.191 mẫu đạt (99,7%); kiểm nghiệm Labo: 166/178 mẫu đạt (93,3%). Chỉ đạo các đơn vị y tế đảm bảo an toàn thực phẩm trong phòng chống dịch bệnh viêm phổi cấp do vi rút Covid 19 tại các bếp ăn tập thể trên địa bàn tỉnh. Thực hiện giám sát, kiểm tra đột xuất tại các cơ sở chế biến trên địa bàn tỉnh.

4. Đánh giá chung

4.1. Thành tựu

Kế thừa các kết quả thực hiện tốt ở các giai đoạn trước, hệ thống y tế được củng cố, phát triển bước đầu về cơ sở vật chất và nhân lực. Khả năng chuyên môn, trình độ cán bộ và tư tưởng của đội ngũ cán bộ ngành y tế cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh Lào Cai, qua 17 năm phát triển 2004-2020, ngành y tế tỉnh đã có nhiều bước phát triển vượt bậc. Hệ thống y tế được sắp xếp, tinh gọn hoạt động theo hướng hiệu lực, hiệu quả. Cơ sở vật chất trang thiết bị y tế được đầu tư lớn. Các đơn vị y tế tuyến tỉnh đều đã được xây mới và sửa chữa khang trang, các đơn vị tuyến huyện được đầu tư nâng cấp sửa chữa; 100% các trạm y tế được xây mới theo thiết kế định hình của UBND tỉnh. Trang thiết bị được bổ sung, từng bước hiện đại hoá tuyến tỉnh, tuyến huyện, xã cơ bản đáp ứng triển khai thực hiện nhiệm vụ giao.

Tình hình dịch bệnh ngày càng ổn định, quản lý chặt chẽ dịch bệnh lưu hành địa phương, chủ động phát hiện sớm dịch bệnh nguy hiểm, không chế kịp thời, đặc biệt là dịch bệnh COVID 19 năm 2020.

Hiệu quả, chất lượng các dịch vụ y tế ngày càng cao, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của nhân dân; giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật và tử vong; bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, nâng cao chất lượng dân số, chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em người cao tuổi. Các mục tiêu chương trình y tế đều đạt và vượt.

4.2. Hạn chế

- Điều kiện của tỉnh miền núi, vùng cao, biên giới, mặc dù có bước phát triển mạnh về kinh tế - xã hội, song do xuất phát điểm thấp nên còn là tỉnh nghèo, hạn chế các nguồn lực đầu tư, trong đó có đầu tư cho sự nghiệp y tế. Dịch bệnh và thời tiết diễn biến bất thường, nhiều dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, nguy cơ lây nhiễm cao trong điều kiện của tỉnh biên giới; thời tiết khắc nghiệt, rét đậm rét hại, lũ ống lũ quét, lốc tố mưa đá liên tục xảy ra, trực tiếp ảnh hưởng đến sức khỏe nhân dân.

- Tình hình dịch bệnh còn phức tạp, khó kiểm soát, ảnh hưởng nhiều đến các hoạt động phát triển kinh tế văn hóa xã hội của tỉnh. Công tác bảo đảm ATTP gặp nhiều khó khăn, còn xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm nhiều người mắc.

- Nhân lực y tế thiếu, thiếu nguồn đào tạo nhân lực trình độ cao; đội ngũ y tế bản hoạt động thiếu ổn định, thiếu nguồn kinh phí đào tạo bổ sung. - Chương trình mục tiêu Y tế - dân số có hoạt động chậm được triển khai thực hiện; chất lượng công tác dân số còn hạn chế.

- Công suất sử dụng giường bệnh tuyến huyện còn quá cao tại nhiều thời điểm, chất lượng khám chữa bệnh tuyến cơ sở còn hạn chế nhất định. Khám chữa bệnh bảo hiểm y tế chưa thuận tiện, thanh toán BHYT còn nhiều bất cập, hạn chế quyền lợi của người dân.

- Đầu tư cơ sở vật chất còn chậm tiến độ so kế hoạch, một số cơ sở có biểu hiện xuống cấp chậm được đầu tư. Các trang thiết bị y tế được trang sắm từ lâu, một số được mua không đồng bộ. Một số trang thiết bị hiện đại đã sắp hết khấu hao, hỏng hóc thường xuyên, sửa chữa tốn kém.

4.3. Nguyên nhân

- Các dịch bệnh lưu hành có tính chất địa phương còn các ổ dịch tiềm tàng; nhiều dịch bệnh diễn biến phức tạp trên toàn quốc, khó kiểm soát, nguồn lực cho hoạt động phòng chống dịch bệnh hoạt động giám sát có hạn.

- Nhận thức của người dân, đặc biệt là người dân tộc thiểu số, vùng cao về ATTP còn hạn chế, sự quan tâm chưa đầy đủ của một số cấp ủy, chính quyền cấp cơ sở; việc đầu tư kinh phí cho hoạt động ATTP còn thấp chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế và không thực hiện được các giải pháp đồng bộ để bảo đảm ATTP.

- Nhân lực y tế thiếu so với đề án vị trí việc làm nhất là tại các bệnh viện khi thực hiện Đề án tinh giảm biên chế. Khó khăn về nguồn cán bộ cử đi đào tạo trình độ cao; thu hút bằng thu nhập cao của y tế tư nhân, của các địa phương có điều kiện thuận lợi là nguy cơ đối với nhân lực y tế của tỉnh.

- Một số cấp ủy, chính quyền đã có biểu hiện xem nhẹ, lơ là trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân số; cơ chế động viên khen thưởng; xử lý kỷ luật chưa đồng bộ, thiếu thống nhất. Điều kiện tự nhiên và nhiều hủ tục tập quán lạc hậu của đồng bào dân tộc thiểu số ảnh hưởng chính sách dân số - KHHGD.

- Khám chữa bệnh còn nhiều thủ tục nhất là khám chữa bệnh BHYT, hướng dẫn của trên còn chưa đồng bộ; giá dịch vụ y tế tăng nhưng quỹ khám chữa bệnh không tăng dẫn đến bội chi quỹ, treo nợ thanh toán bảo hiểm y tế với số lượng lớn ảnh hưởng thực hiện tự chủ tài chính của các bệnh viện.

- Công suất sử dụng giường bệnh của các bệnh viện còn cao, ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ; cùng với nhân lực các bệnh viện thiếu so với định mức tối thiểu, hạn chế phát triển bệnh viện.

- Thủ tục về công tác đầu tư, quy trình phê duyệt chuẩn bị đầu tư theo Luật Đầu tư công kéo dài; nhu cầu đầu tư lớn vượt khả năng cân đối của địa phương miền núi vùng khó khăn.

- Lào Cai là tỉnh miền núi, biên giới, địa hình phức tạp, giao thông đi lại khó khăn ảnh hưởng đến việc triển khai các nhiệm vụ phát triển hạ tầng cơ sở, nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế. Trên địa bàn còn tồn tại những ổ dịch cũ, nguy cơ tái phát. Nhận thức của dân, đặc biệt là dân tộc thiểu số còn những hạn chế, ý thức chấp hành các quy định về phòng, chống dịch bệnh, bảo đảm ATTP còn chưa tốt.

4.4. Bài học kinh nghiệm

- Có sự lãnh đạo, định hướng đúng của Tỉnh ủy, sự giám sát và quan tâm tạo điều kiện của HĐND tỉnh, sự chỉ đạo cụ thể của UBND tỉnh trong

triển khai thực hiện. Được sự quan tâm, ủng hộ của các ngành hữu quan và sự vào cuộc của Đảng bộ, chính quyền các cấp, đồng thời huy động được sự tham gia tích cực của người dân.

- Nguồn lực cho phát triển sự nghiệp y tế được quan tâm với sự lựa chọn ưu tiên, đầu tư tập trung, đồng bộ, tranh thủ có được sự hỗ trợ hiệu quả của các bộ, ngành Trung ương, sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế và nguồn lực xã hội hoá.

- Những chính sách của tỉnh như thu hút nhân lực cao, hỗ trợ công tác đào tạo chuyên giao kỹ thuật, chính sách hỗ trợ công tác dân số - KHHGD, hỗ trợ cải thiện dinh dưỡng cho trẻ em, hỗ trợ khám chữa bệnh cho người nghèo, quy định đối với công tác thi đua khen thưởng về sự nghiệp chăm sóc sức khoẻ nhân dân và công tác dân số đang tiếp tục phát huy hiệu quả cho phát triển sự nghiệp y tế.

- Ngành y tế tích cực, chủ động và thực hiện tốt vai trò tham mưu, đồng thời giữ vai trò nòng cốt trong tổ chức thực hiện; làm tốt việc kiểm tra, đánh giá tiến độ, phân tích khó khăn vướng mắc, tồn tại, yếu kém, tìm nguyên nhân và có giải pháp khắc phục.

5. Phương hướng phát triển ngành y tế đến năm 2030, tầm nhìn 2045

Xây dựng hệ thống y tế tỉnh Lào cai từng bước hiện đại công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế. Phát triển nền y học khoa học, dân tộc và đại chúng, phù hợp với quy hoạch chung của tỉnh Lào Cai. Bảo đảm mọi người dân đều được quản lý, chăm sóc, nâng cao sức khoẻ cả về thể chất và tinh thần, tâm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống của nhân dân. Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế "Thầy thuốc như mẹ hiền", có năng lực chuyên môn vững. Giữ vững mức độ phát triển khá so với toàn quốc và ở mức cao so với các tỉnh trung du miền núi phía Bắc. Phát huy lợi thế của tỉnh, nâng cao năng lực cạnh tranh trong cung ứng dược phẩm, sản xuất dược liệu đặc hữu và đẩy mạnh phát triển dịch vụ y tế du lịch. Phấn đấu tuổi thọ trung bình của người dân đạt 74 vào năm 2025, đạt 75 tuổi vào năm 2030.

Đạt 46,5 GB/vạn dân đến năm 2025 và 50 GB/vạn dân năm 2030. Số bác sỹ trên một vạn dân trong tỉnh đến năm 2025 đạt 15 BS/vạn dân vào năm 2025 và 16,5BS/vạn dân vào năm 2030.

Các nhiệm vụ cụ thể:

- Tiếp tục phát triển hệ thống y tế, tập trung đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế.

- Nâng cao sức khoẻ nhân dân, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, đẩy mạnh phát triển lĩnh vực dược và thiết bị y tế.

- Phát triển y tế dự phòng, nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh gắn với đổi mới y tế cơ sở.

- Phát triển dịch vụ kỹ thuật y tế, tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm. Đẩy mạnh công tác dân số hướng tới mục tiêu dân số và phát triển, phát triển nhân lực và khoa học - công nghệ y tế

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 01/7/2004 của Bộ Chính trị Khóa IX của Sở Y tế Lào Cai./.

Nơi nhận:

- TT: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Sở KH&&ĐT;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Hoàng Quốc Hương

Phụ lục 1: Biểu thống kê theo năm chỉ tiêu cơ bản giai đoạn 2004 – 2020

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SYT ngày tháng 07 năm 2021 của Sở Y tế)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm						
			2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010
1	Số bác sĩ/vạn dân	đơn vị	5,4	5	5,8	5,8	5,8	7,03	7,7
2	Số giường bệnh/vạn dân	đơn vị	24	23,7	23,4	24	23,9	24,15	26,1
3	Tỷ lệ số xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế		3,0	9,2	15,2	31,1	45,7	64,6	76,8
4	Tỷ lệ đạt chuẩn y tế								
	Trạm y tế xã	%	3,0	9,2	15,2	31,1	45,7	64,6	76,8

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm									
			2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
1	Số bác sĩ/vạn dân.	đơn vị	7,8	8,1	8,3	8,8	9,8	10,0	11,0	11,6	12,7	12,6
2	Số giường bệnh/vạn dân.	đơn vị	27,4	27,6	30,85	31,4	34,4	36,4	36,1	39,6	40,5	42,9
3	Tỷ lệ số xã đạt BTC quốc gia về y tế	%	12,2	20,7	30,5	47,6	56,7	73,2	84,1	93,9	100,0	100,0
4	Tỷ lệ đạt chuẩn y tế											
	Trạm y tế xã	%	12,2	20,7	30,5	47,6	56,7	73,2	84,1	93,9	100,0	100

Phụ lục 2: Biểu thống kê chỉ tiêu theo giai đoạn

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SYT ngày tháng 07 năm 2021 của Sở Y tế)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Đầu/cuối kỳ		Giai đoạn				
			2004	2020	2004-2005	2006-2010	2011-2015	2016-2020	2004-2020
1	Số bác sĩ/vạn dân	đơn vị	5,4	12,6	5	7,7	9,8	12,6	12,6
2	Số giường bệnh/vạn dân	đơn vị	24	42,9	23,7	26,1	34,4	42,9	42,9
3	Tỷ lệ số xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế	%	3	100	9,2	76,8	56,7	100	100
4	Tỷ lệ đạt chuẩn y tế								
	Trạm y tế xã	%	3	100	9,2	76,8	56,7	100	100